

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14/01/2022
V/v Ly hôn, chia tài sản khi ly
hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cao Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Đặng Văn Hai;
2. Lê Minh Chánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Văn An - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022, tại Hội trường xét xử, Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2021/TLST-HNGĐ, ngày 15/11/2021, về “Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/01/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trần Thị P - Sinh năm: 1971 Địa chỉ: K, TT L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Trần Văn T - Sinh năm: 1965. Địa chỉ: xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

(Các đương sự điều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn Trần Thị P trình bày:

Về hôn nhân: Trần Thị P và Trần Văn T qua mai mối nên đã sống chung với nhau từ năm 1991 do không am hiểu pháp luật nên không có đăng ký kết hôn, cuộc sống thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng về sau có nhiều điểm bất

đồng cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc, trong đời sống hằng ngày thường phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, từ những nguyên nhân đó dẫn đến cuộc sống hôn nhân không đạt nay Trần Thị P xin được ly hôn với Trần Văn T;

Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Thị Kim M, sinh năm: 1992; Trần Hữu P, sinh năm: 1995; Trần Hữu T, sinh năm: 1996 các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết

Về tài sản chung: Trước đây Trần Thị P có yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn nhưng Trần Thị P đã xin rút phần yêu cầu về tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn Trần Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và Trần Thị P qua mai mối nên đã sống chung với nhau từ năm 1991 do không am hiểu pháp luật nên không có đăng ký kết hôn, cuộc sống thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng về sau có nhiều điểm bất đồng cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc, trong đời sống hằng ngày thường phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, từ những nguyên nhân đó dẫn đến cuộc sống hôn nhân không đạt nay chị Phượng yêu cầu ly hôn, tôi đồng ý ly hôn với Trần Thị P;

Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Thị Kim M, sinh năm: 1992; Trần Hữu P, sinh năm: 1995; Trần Hữu T, sinh năm: 1996 các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết

Về tài sản chung: Trước đây Trần Văn T có yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn nhưng Trần Văn T đã xin rút phần yêu cầu về tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Trần Thị P và Trần Văn T sống chung như vợ chồng từ năm 1991 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, pháp luật không công nhận là vợ chồng, vì đã vi phạm vào khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình có ghi:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý...”.

Tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình có ghi:

“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này...”.

Đôi chiếu khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình có ghi:

“2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...”.

[2] Về con chung: Trần Thị P và Trần Văn T có 03 con chung tên Trần Thị Kim M, sinh năm: 1992; Trần Hữu P, sinh năm: 1995; Trần Hữu T, sinh năm: 1996 các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt thành vấn đề xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Trần Thị P và Trần Văn T xin rút phần yêu cầu về tài sản nên Hội đồng xét xử đình chỉ về phần tài sản.

[4] Về nợ chung: Trần Thị P và Trần Văn T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt thành vấn đề xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn Trần Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận Trần Thị P và Trần Văn T là vợ chồng.
2. Đình chỉ đối với yêu cầu về việc chia tài sản chung khi ly hôn.
3. Về án phí sơ thẩm:

Trần Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà Trần Thị P đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0005838 ngày 11/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Trần Thị P đã nộp xong).

Hoàn trả lại cho Trần Thị P 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0005839 ngày 10/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Hoàn trả lại cho Trần Văn T 2.042.500 đồng (Hai triệu, không trăm bốn mươi hai nghìn, năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005887 ngày 06/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/01/2022).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh DT;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Nguyễn Cao Diễm

